

# TỪ CÔNG, DUNG, NGÔN, HẠNH ĐẾN NHỮNG PHẨM CHẤT SỰ PHẠM CƠ BẢN CỦA NỮ GIÁO VIÊN TRONG NHÀ TRƯỜNG HIỆN NAY

## THE TERMS “CÔNG, DUNG, NGÔN, HẠNH” (ABILITY, BEAUTY, LANGUAGE AND VIRTUE) RELATING TO FEMALE TEACHERS’ BASIC PEDAGOGICAL QUALITY IN CURRENT SCHOOLS

Nguyễn Hữu Thành

Trường Cao đẳng Công nghệ, Đại học Đà Nẵng; thanhdaotao06@yahoo.com

**Tóm tắt** - Trong lịch sử phát triển xã hội loài người, phụ nữ (một nửa nhân loại) không những đảm nhận các thiên chức làm bà, làm mẹ, làm dâu, làm vợ..., mà họ còn đảm nhận các trọng trách hết sức quan trọng do cộng đồng và xã hội giao phó. Phải nói rằng một nửa kết quả tiến hoá và thành đạt của loài người để có được một thời đại văn minh như ngày nay là nhờ phẩm chất cao đẹp của phụ nữ. Có thể nói, tứ đức là hình ảnh mẫu mực, là những đức tính quý báu, là niềm tự hào của giới phụ nữ trong bất kỳ một xã hội nào, luôn ngời sáng trong mọi thời đại và sử sách được ngàn đời ghi nhớ, người phụ nữ luôn luôn được tôn vinh quý trọng.

**Từ khóa** - công; dung; ngôn; hạnh; giáo viên; phụ nữ; đạo đức; phát triển

### 1. Đặt vấn đề

Các tiêu chí về đạo đức của người phụ nữ đã được ý thức và quy định bởi mỗi chế độ chính trị và mỗi hình thái kinh tế xã hội theo các chuẩn mực khác nhau. Tuy vậy, những yếu tố đạo đức truyền thống và mang bản sắc văn hoá của cộng đồng, dân tộc, quốc gia và của xã hội vẫn là những vấn đề cơ bản nhất luôn luôn được tôn trọng và được khuyến khích phát huy. Sự ý thức và quy định của xã hội hay nói rộng ra là thái độ của xã hội đối với người phụ nữ luôn luôn là vấn đề thời sự, vấn đề đạo đức, vấn đề chính trị và cũng là thước đo để đánh giá mức độ văn minh của xã hội đó.

Ở Việt Nam, do ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài của nền Nho giáo, tiếp đó là ảnh hưởng của sự giao lưu đa dạng ở thời mở cửa (với nền kinh tế thị trường và đặc biệt là sự tiếp cận với kinh tế tri thức); thì việc đề cập tới phẩm chất của người phụ nữ nói chung (vai trò, vị trí, tài năng và đạo đức,...) là một vấn đề lớn, hết sức phong phú, nhưng cũng rất phức tạp. Ở đây chúng tôi chỉ xin phép liên tưởng một trong những quan niệm truyền thống của ông cha ta đến một khía cạnh nhỏ về phẩm chất của người nữ giáo viên. Đó là vấn đề “*từ công, dung, ngôn, hạnh đến những phẩm chất sự phạm cơ bản của nữ giáo viên trong nhà trường hiện nay*”.

### 2. Một số quan niệm về công, dung, ngôn, hạnh

Bất cứ một xã hội nào cũng cần có những kỷ cương và chuẩn mực đạo đức làm thước đo cho sự tiến bộ của nhân loại. Công, dung, ngôn, hạnh, “tứ đức” có từ thời Khổng Tử mãi mãi là “khuôn vàng thước ngọc” của người phụ nữ Việt Nam ở mọi thời đại. Tuy nhiên, theo mỗi thời đại khác nhau, nội dung quan niệm đạo đức đó lại được các thế hệ người Việt Nam bảo tồn và phát huy thêm những giá trị mới phù hợp với sự vận động và phát triển của xã hội. Để thực sự trở thành người phụ nữ tài năng, đức hạnh, đẹp cả

**Abstract** - In the development of human society, women do not only perform the natural functions as a grandmother, mother, bride, wife and so on in their household, but they also take on the important responsibilities entrusted by community and society. Women are generally considered to make 50% of the contribution to an era of civilization thanks to their high-qualified virtues. It is possible to announce that those four virtues are exemplary images, precious quality and the pride of women in any society and in any time. Those features are always brilliant of all time and their historical records have been recognized by thousands of generations. Women are always honorably respected.

**Key words** - ability; beauty; language; virtue; teachers; women; development

người lẫn nét thì có lẽ mỗi người phụ nữ chúng ta cần không ngừng tự học tập, rèn luyện, trau dồi tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng để hoàn thiện nhân cách của bản thân, góp phần khẳng định vị thế của mình trong xã hội. Đồng thời, cần có những chủ trương, chính sách đúng đắn nhằm phát huy hiệu quả vị trí, vai trò của người phụ nữ trong xã hội ngày nay, nhất là trước yêu cầu về phát triển đất nước trong tình hình mới.

Riêng đối với người phụ nữ Á Đông còn thêm *tam tông* và *tứ đức*. *Tam tông* gồm tông phụ, tông phu, tông tử; còn *tứ đức* gồm: *công, dung, ngôn, hạnh; ngũ thường* (năm đức lớn của đạo làm người: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín); *ngũ luân* (năm mối quan hệ chủ yếu: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè) Tất cả những nội dung trên được xem là giá trị đạo đức, là mẫu hình nhân cách của con người nói chung và của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến nói riêng.

- *Công* được hiểu là *việc* [1, tr.58] và *việc khéo cũng gọi là công* [1, tr.166]. Quan niệm “Công là đủ mùi xôi thức bánh, nhiệm nhật thay đường chi mũi kim” [2, tr.5] là những yêu cầu về phẩm chất lao động của người phụ nữ. Do hạn chế về tầm nhìn của Nho giáo, cho nên ở giai đoạn này các yêu cầu về phẩm chất *công* đối với phụ nữ rất hẹp (chỉ là các công việc nội trợ: nữ công, gia chánh) và còn bị gò bó trong một khuôn khổ rất hẹp (gia đình). Dưới chế độ ta hiện nay cần được mở rộng quan niệm *công* để nó thực sự xứng đáng với vai trò và năng lực của người phụ nữ. Ngoài ý nghĩa chỉ hoạt động nữ công và gia chánh, công phải được hiểu là yêu cầu của xã hội đối với phụ nữ: sự đảm nhận và kết quả hoàn thành các công việc trong gia đình, ở cộng đồng và ngoài xã hội của người phụ nữ. Người phụ nữ đạt được chữ công là người phụ nữ vừa đảm đương công việc gia đình vừa hoàn thành xuất sắc công việc xã hội.

Nếu là người nữ giáo viên, sự hiểu biết và sự đảm đương công việc gia đình ở khâu nữ công gia chánh chỉ là các điều

kiện cần nhưng chưa đủ đối với yêu cầu về phẩm chất của mình. Ngoài đức công theo quan niệm cũ, đức của người giáo viên hiện nay còn là sự hiểu biết sâu sắc về nghề nghiệp và hiệu quả lao động sư phạm được nhà trường giao phó. Thước đo công đức thể hiện ở những tiêu chí là đảm việc nhà (vấn đề quản lý gia đình, trong đó có nữ công, gia chánh) và giới việc mà cộng đồng, dân tộc và xã hội giao phó (trong đó chủ yếu là việc trường). Tuy vậy, đức công theo quan niệm cũ vẫn là tiền đề cho việc hoàn thành công việc nhà trường. Sự hiểu biết và thao tác khéo léo về nữ công và gia chánh có ảnh hưởng sâu và rộng trong giáo dục học sinh. Nó có tác dụng và giá trị không nhỏ trong việc giáo dục phẩm chất học sinh nữ và nó còn là tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

- Cùng với *công*, xã hội phong kiến cũng rất quan tâm đến cái *dung* của người phụ nữ. *Dung* là cái toả sáng ra bên ngoài, cái hài hoà, cái du dị [1, tr.584]. *Dung* của người phụ nữ được xem như cái đẹp, cái duyên, cái “tính nữ” được biểu hiện qua nước da, mái tóc, dáng đi, cách ăn vận,... Nhưng sự bộc lộ của “*dung*” không phải tùy hứng mà cũng phải có cái chuẩn của nó. Quan niệm của Nho giáo về “*dung*” rất khắt khe, nhưng cũng có nhiều mặt cần phải kể thừa. Cụ thể: “*dung* là nét mặt ngọc trang nghiêm, không thướt tha không chiều lơ lả” [2, tr.5]. Nó là những yêu cầu cao về hình thức lẫn nội dung, tôn trọng vẻ đẹp tự nhiên và đồng thời mang trong nó yêu cầu về tính nghiêm túc trong giao tiếp. Ngày nay, quan niệm về *dung* hiện đại và khoa học hơn. Ngoài vẻ đẹp do tạo hoá (nước da, mái tóc, vóc dáng con người,...), vẻ đẹp (cái *dung*) có được của phụ nữ còn do lao động, nhờ luyện tập và tất nhiên không thể bỏ qua kỹ thuật trang điểm nhờ những hiểu biết về sử dụng mỹ phẩm và thời trang. Tuy vậy, ở bất cứ thời kỳ nào, không thể coi một phụ nữ đạt phẩm chất về *dung* chỉ là sự quỵên rũ khác người về *hình thức bề ngoài*. Chính vì sự không hiểu biết thấu đáo về “*dung*”, có một số phụ nữ lầm tưởng rằng cần “hoá trang” bằng mỹ phẩm, bằng ăn vận sao cho thật khác người và hậu quả của nó là lố lỉnh, là loè loẹt, là lai căng, là làm mất bản sắc văn hoá dân tộc và tệ hại nhất là đã bỏ mất nữ tính trong ngay bản thân họ.

Người nữ giáo viên ở thời đại chúng ta rất coi trọng về “*dung*” và coi “*dung*” là phương tiện giao tiếp nhằm giáo dục học sinh. Giáo dục nói chung và dạy học nói riêng phần lớn được thông qua giao tiếp. Trong giao tiếp, nhân cách của nữ giáo viên có ảnh hưởng trực tiếp và thâm thấu đến sự hoàn thiện nhân cách học sinh nói chung và nhất là đối với học sinh nữ. Yêu cầu về “*dung*” của nữ giáo viên là làm sao cho cái đẹp về tâm hồn, trí tuệ và “*duyên*” vừa thâm kín, vừa bộc lộ rất mẫu mực ra bên ngoài và là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

- *Ngôn* được hiểu là “lời nói” hay “một câu văn” [1, tr.612]. *Ngôn* là một công cụ giao tiếp của con người nhằm truyền đạt và lĩnh hội những thông tin cần thiết trong lao động và trong cuộc sống. Không những thế, ngôn ngữ còn thể hiện bản chất đạo đức của con người, nó được thể hiện một cách tế nhị qua nội dung và cách diễn đạt từ ngữ. Tuy theo tình huống giao tiếp, tập quán sống và trình độ của người giao tiếp mà ngôn ngữ được thể hiện ra bên ngoài với các sắc thái khác nhau về nội dung, âm điệu, phương thức thể hiện. Như vậy, cách thể hiện ngôn ngữ mang trong nó những nét đặc thù về bản sắc văn hoá.

Yêu cầu về đức *ngôn* đối với phụ nữ (người bà, người mẹ, người chồng và người con gái trong gia quyến) được Nho giáo khái quát thật súc tích “*Ngôn* là dạy trình thưa vâng dạ” [2, tr.5]. Nó là các yêu cầu trong việc diễn giải một điều gì cho người khác (dạy), trình bày một vấn đề với người trên mình (trình), cách thể hiện sự lễ phép và lịch sự trong giao tiếp (thưa, vâng, dạ). Nhìn chung ông cha ta thường nhắc nhở con cháu một cách hết sức mộc mạc mà lại mang trong nó tính giáo dục sâu sắc:

“Lời nói chẳng mất tiền mua,

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

Ngày nay, trong xã hội mở cửa và hội nhập, quan hệ giao tiếp của con người vô cùng phong phú, đa dạng và rất phức tạp. Nó không chỉ bó hẹp trong gia đình, trong cộng đồng, trong một quốc gia mà còn ở tầm quốc tế. Như vậy yêu cầu về “*ngôn*” lại càng được đề cao hơn về cả cách thể hiện “cho vừa lòng nhau” và về cả trình độ sử dụng. Nói cách khác, yêu cầu cao về văn hoá giao tiếp trong thời đại ngày nay sẽ mang lại đời sống tinh thần và cả đời sống vật chất cho cá nhân, tập thể, cộng đồng và quốc gia. Lễ dĩ nhiên, để đạt các yêu cầu về *ngôn* trong thời đại ngày nay, phải có học tập và dày công tu dưỡng, chứ không phải “chẳng mất tiền mua”.

Trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng ngôn ngữ là phương tiện để truyền đạt và lĩnh hội trí thức nhằm thực hiện mục đích giáo dục. Nữ giáo viên không những phải rèn luyện ngôn ngữ để sử dụng phù hợp với các thiên chức của mình, mà còn rèn luyện về “*ngôn*” để nó thực sự là công cụ hữu ích trong việc thực hiện nhiệm vụ truyền đạt tri thức và làm sao cho “*ngôn*” của nữ giáo viên là tấm gương sáng về “*ngôn*” đối với học sinh (nhất là học sinh nữ) ở các mặt: lễ phép, thùy my, lịch sự, diễn cảm, thu hút được người nghe; tránh được cách thể hiện trống không, dùng tiếng lóng, tục tằn, xấc mề,... Đối với giáo viên “*ngôn*” là lời ăn tiếng nói phải dịu dàng, cuốn hút, là sự truyền đạt ngôn ngữ. Cha ông ta có câu “người thanh tiếng nói cũng thanh” là hàm ý muốn nói rằng, thông qua lời ăn tiếng nói hàng ngày mà ta có thể phân biệt được đâu là người thanh lịch, đâu là kẻ phàm phu. Trong thời đại ngày nay, “*ngôn*” của người giáo viên vẫn còn giữ nguyên giá trị. Tuy nhiên, để có thể ứng xử thông minh, lịch thiệp trong giao tiếp hàng ngày đối với học sinh, nữ giáo viên cũng không ngừng trau dồi cho mình những kiến thức, hiểu biết về các lĩnh vực của đời sống xã hội còn nghiên cứu, trau dồi thêm về nghệ thuật giao tiếp, văn hóa ứng xử... đó là chìa khóa thành công trong sự nghiệp và cuộc sống.

- Hạnh là một phạm trù rộng và bao quát về mặt đạo đức của con người. Hạnh được hiểu là “được yêu dấu” [1, tr.174] và đặc hạnh là được nhiều người yêu mến, tin tưởng. Hạnh còn được hiểu là “nết na” của con người [1, tr.593], phụ nữ có nết tốt cùng được gọi là có hạnh. Nhìn chung hạnh là hạnh kiểm, nghĩa là phẩm chất và đạo đức biểu hiện ở việc làm và trong cách đối xử với mọi người.

Theo quan niệm của Nho giáo thì “hạnh là đường ngay thẳng kính tin” [2, tr.5]; nó được biểu hiện ở sự thật thà và đúng đắn (ngay), ở sự hiền lành và tháo vát (thảo), được mọi người tôn trọng và tôn trọng mọi người (kính) và luôn luôn giữ được sự hứa hẹn (tin). Tuy Nho giáo đưa ra quan

niệm đó chỉ bó hẹp trong một gia đình, song phải nói nó còn có giá trị và tác dụng trong việc trau dồi đạo đức của người phụ nữ ở xã hội ngày nay.

Đối với người phụ nữ, bất kỳ ở xã hội nào thì: cái thật thà, cái đúng đắn cũng luôn luôn được tôn trọng; cái hiền lành và tháo vát nhằm đảm việc nhà và giỏi việc nước cũng đều coi là một tiêu chí đạo đức; vì “hiếu đễ là gốc của đức nhân” cho nên phải coi việc “kính hiếu” đối với cha mẹ, ông bà và mọi người là người phụ nữ có hạnh; và không thể không coi việc luôn luôn giữ niềm tin với mọi người trong lao động và trong giao tiếp là một biểu hiện của đạo đức.

Đối với người nữ giáo viên trong trường học hiện nay, việc tu dưỡng để có được đức “hạnh” là thực hiện yêu cầu của xã hội, của cộng đồng, của nhà trường, của đồng nghiệp và của người học. Nó thể hiện trong cách xử thế, lòng kính hiếu, tính nhân ái, tính thật thà, sự ngay thẳng và đảm bảo được lòng tin của mọi người (trong gia đình, ở dòng họ, tại cộng đồng). Có được điều đó là có được tấm gương sáng cho cho mọi học sinh noi theo, nhất là đội ngũ học sinh nữ. Đối với nữ giáo viên hạnh là sự chuẩn mực của đạo đức nhà giáo, là mối quan hệ trong sáng với học sinh vừa thể hiện sự khách quan công bằng trong đánh giá vừa thể hiện sự yêu thương, bao dung, độ lượng trong giáo dục, rèn luyện nhân cách cho học sinh...

### 3. Kết luận

Nữ giáo viên là một lực lượng cơ bản trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là người phụ nữ vừa đảm trách được công việc ngoài xã hội, về mặt truyền thống vẫn cần giữ lại nét văn hóa và đạo đức. Nữ giáo viên luôn

luôn phải có đạo đức, đạo đức bao trùm rất rộng cả vấn đề phát ngôn, cái đẹp bên trong, tốt, biết quan tâm và biết chia sẻ, có kiến thức... Những thành tích mà lực lượng nữ giáo viên đạt được ngoài sự nỗ lực cố gắng của từng người, còn có sự đồng thuận và quan tâm sâu sắc của các cấp các ngành. Các thành tựu mang tính cách mạng văn hoá, tập tục, phần lớn làm thay đổi cách nhìn nhận từ mọi tầng lớp xã hội đối với người phụ nữ, được khẳng định phẩm chất và năng lực trong việc giảng dạy và các lĩnh vực hoạt động kể cả những lĩnh vực phi truyền thống nhất.

“Công, dung, ngôn, hạnh” là “tứ đức” của người phụ nữ Việt Nam đã được ông cha ta đúc kết và có các biện pháp giáo dục. Tuy ở thời kỳ phong kiến, quan niệm này được vận dụng hẹp và khắt khe bởi các thể chế xã hội lạc hậu, nhưng nó là giá trị văn hoá và có tác dụng giáo dục đến tận ngày nay. Kế thừa và phát triển các quan điểm này, chúng ta hiểu về “tứ đức” nêu trên rộng hơn và đặt ra những yêu cầu vận dụng chúng sáng tạo hơn đối với nữ giáo viên trong nhà trường. Việc tu dưỡng đạo đức của đội ngũ giáo viên nữ trong nhà trường trên cơ sở tiếp thu có kế thừa truyền thống văn hoá của ông cha ta về “tứ đức” như đã phân tích ở các mục trên sẽ góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1] Thiều Chừu, *Hán Việt tự điển*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.
- [2] Nguyễn Trãi, *Giáo Huấn điển ca*, Nhà xuất bản Bình dân Thư quán, Hà Nội, 1929.
- [3] Nguyễn Tất San, *Công dung ngon hạnh xưa và nay*, NXB Văn hóa Thông tin, 1980.

(BBT nhận bài: 08/09/2014, phản biện xong: 29/10/2014)